

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1
Tháng 11/2014

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.660 *10%)	Thành tiền	Ký nộp
1	101	Phòng trực Y tế	3.203	3.240				
2	102	8	3.578	3.616	38	1.826	69.388	
3	103	8	4.950	5.045	95	1.826	173.470	
4	104	5	3.624	3.655	31	1.826	56.606	
5	105	8	3.345	3.408	63	1.826	115.038	
6	106	8	2.753	2.840	87	1.826	158.862	
7	107	PSHC	1.484	1.502		1.826	0	
8	108		1.417	1.438		1.826	0	
9	109	8	1.498	1.562	64	1.826	116.864	
10	110	8	1.939	2.021	82	1.826	149.732	
11	111	8	1.935	2.001	66	1.826	120.516	
12	112	8	3.362	3.546	184	1.826	335.984	
13	113	8	2.679	2.755	76	1.826	138.776	
14	114	8	3.499	3.586	87	1.826	158.862	
15	201	6	1.729	1.833	104	1.826	189.904	
16	202	5	4.241	4.300	59	1.826	107.734	
17	203	8	3.057	3.134	77	1.826	140.602	
18	204	8	5.440	5.639	199	1.826	363.374	
19	205	8	4.410	4.471	61	1.826	111.386	
20	206	8	4.343	4.392	49	1.826	89.474	
21	207	8	2.297	2.349	52	1.826	94.952	
22	208	0	4.525	4.525	0	1.826	0	
23	209	8	4.033	4.151	118	1.826	215.468	
24	210	8	4.511	4.601	90	1.826	164.340	
25	211	8	3.915	4.027	112	1.826	204.512	
26	212	8	5.136	5.258	122	1.826	222.772	
27	213	8	4.607	4.729	122	1.826	222.772	
28	214	8	4.590	4.731	141	1.826	257.466	
29	301	1 SV ẩn độ	3.705	3.743	38	1.826	69.388	
30	302	0	4.772	4.853	81	1.826	147.906	
31	303	8	4.197	4.320	123	1.826	224.598	
32	304	8	2.873	3.131	258	1.826	471.108	
33	305	8	4.059	4.224	165	1.826	301.290	
34	306	8	3.458	3.554	96	1.826	175.296	
35	307	0 PSHC	523	545		1.826	0	
36	308	0	430	452		1.826	0	
37	309	8	3.511	3.630	119	1.826	217.294	

38	310	8		4.966	5.053	87	1.826	158.862	
39	311	8		3.207	3.262	55	1.826	100.430	
40	312	8		2.847	3.051	204	1.826	372.504	
41	313	8		4.168	4.351	183	1.826	334.158	
42	314	8		5.114	5.223	109	1.826	199.034	
43	401	8		2.383	2.490	107	1.826	195.382	
44	402	8		3.344	3.395	51	1.826	93.126	
45	403	8		2.491	2.545	54	1.826	98.604	
46	404	8		2.527	2.589	62	1.826	113.212	
47	405	8		3.174	3.298	124	1.826	226.424	
48	406	8		5.667	5.760	93	1.826	169.818	
49	407	8		4.731	4.827	96	1.826	175.296	
50	408	7		2.631	2.742	111	1.826	202.686	
51	409	8		3.797	3.932	135	1.826	246.510	
52	410	8		2.207	2.284	77	1.826	140.602	
53	411	8		3.833	3.920	87	1.826	158.862	
54	412	8		4.843	4.985	142	1.826	259.292	
55	413	8		3.507	3.583	76	1.826	138.776	
56	414	8		3.567	3.691	124	1.826	226.424	
57	501	7		1.685	1.740	55	1.826	100.430	
58	502	8		3.588	3.715	127	1.826	231.902	
59	503	8		1.632	1.688	56	1.826	102.256	
60	504	8		1.515	1.607	92	1.826	167.992	
61	505	8		1.809	1.912	103	1.826	188.078	
62	506	1	SVNN TT	3.173	3.269	96	1.826	175.296	
63	507	5		1.317	1.359	42	1.826	76.692	
64	508	1	SVNN TT	4.815	4.999	184	1.826	335.984	
65	509	1	SVNN TT	2.754	2.754	0	1.826	0	
66	510	8		2.405	2.548	143	1.826	261.118	
67	511	8		4.810	4.977	167	1.826	304.942	
68	512	8		2.513	2.617	104	1.826	189.904	
69	513	8		2.415	2.524	109	1.826	199.034	
70	514	8		3.680	3.803	123	1.826	224.598	
	Cộng	463				6.437		11.753.962	

(Bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 11.242.682 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

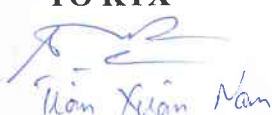
TT DV TỔNG HỢP
TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS Ngô Xuân Hoà





Trần Thị Hà